

BÁO CÁO

Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022

Thực hiện Công văn số 4280/STC-TCHCSN ngày 24/10/2022 của Sở Tài chính về việc báo cáo thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022, Sở Tài chính báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Triển khai thực hiện Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 24/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của tỉnh Khánh Hòa, Sở Tài chính đã xây dựng Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 ban hành theo Quyết định số 26/QĐ-STC ngày 14/02/2022; Xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo Quyết định số 319/QĐ-STC ngày 31/12/2021 để thực hiện trong cơ quan.

Đồng thời, để công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt hiệu quả cao; Sở đã tuyên truyền, phổ biến, quán triệt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đến cán bộ, công chức và nhân viên trong cơ quan nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, tạo sự chuyên biến thực sự trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

II. Tình hình, kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

1. Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

a) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Sở Tài chính thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong quản lý, sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính được giao. Hàng năm, chủ động phân bổ kinh phí đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ trong phạm vi dự toán được giao và thực hiện các biện pháp tiết kiệm trong việc sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính theo quy định. Sở đã triển khai hội nghị CBCC hàng năm theo hướng gọn nhẹ, đảm bảo chất lượng, tiến hành rà soát một số điều về định mức, tiêu chuẩn theo Quy chế chi tiêu nội bộ như xăng xe, điện

thoại, công tác phí...để thực hiện trong toàn cơ quan nhằm thực hiện tốt các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra.

Tổ chức và thực hiện quy chế dân chủ tạo điều kiện cho các tổ chức đoàn thể, Ban Thanh tra nhân dân và cán bộ, công chức trong cơ quan được tham gia giám sát theo quy định.

b) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước

Hàng năm, Sở Tài chính xây dựng dự toán trên cơ sở số lượng biên chế được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và theo chức năng, nhiệm vụ được giao; thực hiện phân bổ dự toán ngân sách nhà nước đúng quy định, định mức, tiêu chuẩn, chế độ. Quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đảm bảo đúng mục đích, nội dung, định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong phạm vi dự toán được giao gắn với nhiệm vụ cơ quan, phù hợp với yêu cầu cải cách hành chính.

Sở đã triển khai thực hiện các biện pháp phù hợp để tiết kiệm chi phí điện, nước, điện thoại. Đồng thời, qua việc triển khai sử dụng văn bản điện tử trong thời gian qua đã góp phần tiết kiệm được kinh phí văn phòng phẩm.

c) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan

Thực hiện các quy định hiện hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, Sở đã thực hiện nghiêm các quy định về quản lý và sử dụng nguồn kinh phí; các chế độ chi công tác phí, thanh toán nhiên liệu, sửa chữa máy móc, thiết bị được thực hiện đúng quy định hiện hành. Sử dụng xe ô tô đúng mục đích, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan.

Thực hiện công khai kinh phí mua sắm đúng quy định hiện hành đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan. Trong quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị làm việc được thực hiện đúng mục đích, đối tượng, tiêu chuẩn, chế độ phục vụ thiết thực, hiệu quả cho công việc, đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ.

d) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc

Trong quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, Sở Tài chính thực hiện đúng quy định về quản lý công sở, bảo vệ môi trường và giữ gìn công sở sạch đẹp. Công sở được sử dụng đúng công năng thiết kế, đúng mục đích; trang thiết bị, máy móc trong phòng làm việc được bố trí gọn gàng, thuận tiện. Đồng thời, không có hiện tượng ngăn phòng làm việc sử dụng mục đích sinh hoạt gia đình, cho thuê mướn mặt bằng làm nơi buôn bán và quảng cáo thương mại nơi công sở.

đ) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động tại cơ quan

Sở Tài chính thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo Quyết định số 360/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh, kiện toàn cơ cấu tổ chức theo Quyết định số 2691/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh và sắp xếp lại cơ cấu tổ chức theo Quyết định số 1087/QĐ-UBND ngày 22/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính hiện có 07 phòng chuyên môn gồm: Văn phòng, Phòng Quản lý Ngân sách, Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp, Phòng Tài chính Đầu tư, Phòng Quản lý Giá, Phòng Quản lý Công sản và Tài sản Nhà nước tại Doanh nghiệp, Phòng Thanh tra.

Năm 2022, Sở Tài chính được Ủy ban nhân dân tỉnh giao 55 biên chế tại Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 28/01/2022. Hợp đồng lao động Nghị định 161/2018/NĐ-CP là 05 người theo Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của UBND tỉnh. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và năng lực công tác, Lãnh đạo Sở đã phân công công tác phù hợp, chỉ đạo từng phòng có kế hoạch công tác cụ thể, đảm bảo thời gian hoàn thành nhiệm vụ. Thực hiện đào tạo nguồn lực, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức theo vị trí việc làm, trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Sở Tài chính thực hiện quản lý, sử dụng lao động, thời gian lao động trên cơ sở tổ chức công việc hợp lý, khoa học, hiệu quả và gắn với cải cách hành chính. Cán bộ, công chức chấp hành nghiêm các quy định, nội quy cơ quan, sử dụng có hiệu quả thời giờ làm việc, không sử dụng thời giờ làm việc vào việc riêng.

3. Phân tích, đánh giá

Xác định công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là một nhiệm vụ, Sở Tài chính đã quán triệt đến cán bộ, công chức và người lao động về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Nhìn chung, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 tại Sở Tài chính đã có những chuyển biến rõ rệt về nhận thức và kết quả đạt được.

Bên cạnh đó, trong thời gian qua mặc dù gặp nhiều khó khăn do thiếu hụt nhân sự: chuyên viên và lãnh đạo cấp phòng, lãnh đạo cấp Sở, trong khi khối lượng công việc được giao ngày càng nhiều nhưng với sự nỗ lực, đoàn kết và năng động của tập thể cán bộ, công chức và nhân viên, Sở Tài chính đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị được giao, đồng thời tích cực chăm lo đời sống cán bộ, công chức và nhân viên của Sở góp phần thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại đơn vị.

III. Phương hướng, nhiệm vụ và các giải pháp về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cần tập trung triển khai thực hiện trong năm tiếp theo

Triển khai thực hiện Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí do cấp thẩm quyền ban hành; Tổ chức thực hiện tốt Quy chế chi tiêu nội bộ theo

Quyết định số 319/QĐ-STC ngày 31/12/2021 của Sở Tài chính và các quy định hiện hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

IV. Đề xuất, kiến nghị về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí: Không

Trên đây là báo cáo công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 của Sở Tài chính Khánh Hòa.

Kính chuyển Sở Tài chính tổng hợp./.

(Đính kèm Phụ lục số 02: Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022)

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- UBND tỉnh (b/c);
- Lưu: VT, KT (NNMA).

GIÁM ĐỐC

Vĩnh Thông

KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỂM, CHỐNG LÃNG PHÍ

Kỳ báo cáo: NĂM 2022

(Kèm theo Báo cáo số 4302/BC-STC ngày 05 / 10 / 2022)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
I	<u>Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</u>							
1	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức mới được ban hành	văn bản						
2	Số văn bản quy định tiêu chuẩn, định mức được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	văn bản						
3	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	cuộc						
4	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	vụ						
5	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	triệu đồng						
II	<u>Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước (NSNN)</u>	Triệu đồng	1.236	332	625	1.534	1.229	
1	Lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán NSNN							
1.1	Dự toán lập sai chế độ, sai đối tượng, sai tiêu chuẩn, định mức	triệu đồng						
1.2	Số tiền tiết kiệm dự toán chi thường xuyên theo chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	triệu đồng						
1.3	Số tiền vi phạm đã xử lý, cắt giảm dự toán	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1		3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5 (%)	9
1.4	Các nội dung khác							
2	Sử dụng và thanh quyết toán NSNN		1.236	332	625	1.534	1.229	
2.1	Tiết kiệm chi quản lý hành chính, gồm:		251	282	317	1.533	1201	
	Tiết kiệm văn phòng phẩm	triệu đồng	66	70	44	67	63	
	Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc	triệu đồng	21	25	35	167	140	
	Tiết kiệm sử dụng điện	triệu đồng	22	25	32	145	128	
	Tiết kiệm xăng, dầu	triệu đồng	10	12	13	130	108	
	Tiết kiệm nước sạch	triệu đồng	17	20	43	253	215	
	Tiết kiệm công tác phí	triệu đồng	8	15	35	438	233	
	Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo	triệu đồng	12	10	10	83	100	
	Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm	triệu đồng	75	80	75	100	94	
	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, liên lạc	triệu đồng	20	25	30	150	120	
2.2	Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy), như sau:		985	50	14	1	28	
a	Số tiền sửa chữa, mua mới phương tiện đi lại đã chi	triệu đồng	985	50	14	1	28	KP sửa chữa, mua mới
b	Kinh phí tiết kiệm được, gồm:							
	Thảm dính, phê duyệt dự toán	triệu đồng						
	Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh..	triệu đồng						
	Thuong thảo hợp đồng	triệu đồng						
	Các nội dung khác							
2.3	Tiết kiệm do thực hiện cơ chế khoán chi, giao quyền tự chủ cho cơ quan, tổ chức	triệu đồng			294			Tiết kiệm 7 biên chế chưa tuyển
2.4	Tiết kiệm kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia	triệu đồng						
2.5	Tiết kiệm kinh phí nghiên cứu khoa học, công nghệ	triệu đồng						
2.6	Tiết kiệm kinh phí giáo dục và đào tạo	triệu đồng						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
2.7	Tiết kiệm kinh phí y tế	triệu đồng						
3	Sử dụng, quyết toán NSNN lãng phí, sai chế độ							
3.1	Tổng số cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN	đơn vị						
3.2	Số lượng cơ quan, tổ chức sử dụng NSNN lãng phí, sai chế độ đã phát hiện được	đơn vị						
3.3	Số tiền vi phạm đã phát hiện	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							
III	Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước							
1	Phương tiện đi lại (ô tô, mô tô, xe gắn máy)							
1.1	Số lượng phương tiện hiện có đầu kỳ	chiếc	1	1	1			
1.2	Số lượng phương tiện tăng thêm trong kỳ (mua mới, nhận điều chuyển)	chiếc	1	0	0			
1.3	Số lượng phương tiện giảm trong kỳ (thanh lý, điều chuyển)	chiếc	1	0	0			
1.4	Số lượng phương tiện sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	chiếc						
1.5	Số tiền xử lý vi phạm về sử dụng phương tiện đi lại	triệu đồng						
2	Tài sản khác							
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Chi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
IV								
<u>Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng</u>								
1								
Trong đầu tư xây dựng								
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được, gồm: - <i>Thẩm định, phê duyệt dự án, công dư toán</i> - <i>Thực hiện đầu thầu, chào hàng cạnh tranh..</i> - <i>Thực hiện đầu tư, thi công</i> - <i>Thẩm tra, phê duyệt quyết toán</i>	triệu đồng triệu đồng triệu đồng triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng						
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	<i>Số lương</i>	dự án						
	<i>Giá trị đầu tư phải thanh toán</i>	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²						
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận	m ²						
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp	m ²						
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn,	m ²						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng						
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới,	m ²						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển,	m ²						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu	m ²						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4 (%)	8=6/5(%)	9
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng						
4	Các nội dung khác							

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Ngọc Minh Anh

Vĩnh Thông